TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ - ST
Ngày 08-5-2025
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Vũ Thị Tình.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Q, thị xã Kg, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Xuân Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Xuân Tr trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Ngọc Sơn, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm về cách nuôi dậy con cái cũng như sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, chửi bới xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh

chị đã được hai bên gia đình hòa giải rất nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ năm 2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Xuân Tr.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Đỗ Xuân Tr, đồng thời nhiều lần triệu tập anh Tr đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị L xin ly hôn anh, nhưng anh Tr đều cố tình vắng mặt. Tòa án đã đến tận nhà anh Tr tại tổ dân phố P, phường N, thị xã K, tỉnh Hà Nam để xác minh và được bà Đặng Thị M là mẹ đẻ anh Tr cung cấp: Anh Đỗ Xuân Tr và chị Phạm Thị L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì lớn nhưng từ năm 2020 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó chị L không quay về chung sống với anh Tr nữa. Bà M cũng khẳng định anh Tr đi làm ăn tự do ở địa phương khác, thỉnh thoảng về nhà nghỉ vài ba ngày rồi lại đi làm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án đối với anh Tr, ngay sau mỗi lần nhận bà đều gọi điện thông báo trực tiếp cho anh Tr, tuy nhiên anh Trường đều nói với bà là anh đồng ý ly hôn chị L nhưng vì anh bận làm ăn nên không về Tòa án để giải quyết được.

Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương phường Ngọc Sơn, thị xã Kim Bảng và được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Đỗ Xuân Tr là công dân có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P, phường N, thị xã K, tỉnh Hà Nam, hiện nay anh Tr đang làm ăn tự do tại địa phương khác nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà dịp ngày nghỉ hoặc lễ, tết. Theo địa phương được biết, việc mâu thuẫn vợ chồng anh Tr, chị L đã xảy ra từ khoảng năm 2013 do nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và anh chị đã li thân nhau từ năm 2020 cho đến nay là thực tế. Nay địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh Tr theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh Tr có 02 con chung là Đỗ Xuân M, sinh năm 2004 và Đỗ Tuấn A, sinh năm 2006, hiện nay cả hai con đều đã đủ 18 tuổi và có cuộc sống tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Xuân Tr. Về án phí Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Đỗ Xuân Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Xuân Tr là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/3/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng (nay là phường Ngọc Sơn, thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh Tr; còn anh Tr mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương và người thân của anh Tr thì mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh Tr xảy ra và anh chị đã li thân nhau từ năm 2020 là thực tế, khả năng hàn gắn tình cảm để anh chị đoàn tụ là rất khó. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị L được ly hôn anh Tr là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị L và anh Tr có 02 con chung là Đỗ Xuân M, sinh năm 2004 và Đỗ Tuấn A, sinh năm 2006. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và lao động tự lập được, chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về con riêng:* Chị L xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Xuân Tr.

2. Án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000260 ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị L đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Tr vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Chi cục THADS thị xã Kim Bảng;
- UBND phường Ngọc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo